

Số: 293 /TB-TTPTQĐ.CNXL

Xuân Lộc, ngày 27 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú, thành phố Đồng Nai (đợt 1).

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở các quy định nêu trên và tình hình thực hiện dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc phối hợp UBND xã Xuân Phú thông báo niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú (đợt 1), cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết:

Thời hạn là 10 ngày, bắt đầu từ ngày 27 tháng 5 năm 2026.

2. Địa điểm, hình thức niêm yết:

- Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú;
- Tại trụ sở Nhà văn hóa ấp Bình Tiến và trụ sở Nhà văn hóa ấp Tây Minh, xã Xuân Phú (địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi);
- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú.

3. Trong thời gian niêm yết, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết; hết thời gian niêm yết nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

4. Kính đề nghị UBND xã Xuân Phú giúp chỉ đạo phòng Văn hóa - Xã hội đăng tải Thông báo kèm theo phương án dự kiến của **68 trường hợp** hộ gia đình, cá nhân này trên công thông tin điện tử của UBND xã Xuân Phú và tiếp nhận thông tin, ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) chuyển về Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc để tổng hợp.

5. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc thông báo đến UBND xã Xuân Phú, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Xuân Phú, Ban nhân dân ấp Bình Tiến, ấp Tây Minh và các hộ gia đình, cá nhân nơi có đất thu hồi được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc hoặc UBND xã Xuân Phú để được hướng dẫn, xem xét giải quyết.

(Đính kèm dự thảo các Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Phương án chi tiết của 68 trường hợp hộ gia đình, cá nhân)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như mục 5;
- GD, PGD TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TPTQĐ.CNXL (Tâm).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Bảo

Số:/PA-TTPTQĐ.CNXL
(Dự thảo)

Xuân Lộc, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

**Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các
Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan
Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ
cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020,
đoạn qua xã Xuân Phú, thành phố Đồng Nai (đợt 1).**

Kính gửi: UBND xã Xuân Phú.

I. Căn cứ pháp lý:

1. Pháp lý chung:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà; công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

2. Pháp lý dự án:

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ các Bản đồ địa chính xã Xuân Phú do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đại Thành đo vẽ được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp và UBND xã Xuân Phú xác nhận hiện trạng;

Căn cứ Công văn số 347/VPĐK.XL-TTLT ngày 19/01/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc về việc cung cấp thông tin các nội dung liên quan về đất (trong đó có vị trí đất) các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Phú.

Trên cơ sở rà soát hồ sơ, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc xây dựng phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi ảnh hưởng các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú (đợt 1) như sau:

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

1. Tổng diện tích đất thu hồi

- | | |
|---|-------------------------|
| - Tổng diện tích đất thu hồi: | 52.749,4 m ² |
| - Tổng diện tích đất nông nghiệp được bồi thường:
(Trong đó có 47.282,50 m ² đất trồng lúa) | 51.469,3 m ² |
| - Tổng diện tích đất không được bồi thường: | 1.280,1 m ² |

2. Tổng số người có đất thu hồi

Tổng số trường hợp: 68 hộ gia đình, cá nhân

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (nếu có)

Thực hiện theo quy định tại điều 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra Chi nhánh Xuân Lộc kính đề nghị UBND xã Xuân Phú rà soát, lưu ý đối với những trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy mua bán tay, chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định.

4. Phương án tái định cư (nếu có): Không có

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có



7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

*** Tổng giá trị của phương án bồi thường, hỗ trợ: 21.788.791.917 đồng**

Trong đó:

7.1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 21.051.972.867 đồng

Bao gồm:

- Bồi thường về đất: 10.230.334.887 đồng
- Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc: 278.335.137 đồng
- Bồi thường về cây trồng: 262.841.123 đồng
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ 9.358.461.720 đồng
- Thương chấp hành chủ trương: 922.000.000 đồng

7.2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường: 736.819.050 đồng

Trong đó:

- TTPTQĐ Chi nhánh Xuân Lộc (85%): 626.296.192 đồng
- UBND xã Xuân Phú (15%): 110.522.859 đồng

(Bảng tổng hợp kèm theo phương án)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

8.1. Tổng quan dự án:

Theo thiết kế, tổng diện tích thu hồi khoảng 52.749,4 m² đất của 68 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn các ấp Bình Tiến và Tây Minh (xã Xuân Phú và Lang Minh cũ) để thực hiện 04 Hạng mục bổ sung mương thoát nước, đường gom dân sinh. Các ban ngành xã Xuân Phú phối hợp cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc đã tổ chức họp để lấy ý kiến đồng thuận của người dân nhằm bàn giao trước mặt bằng đồng thời với thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; hoàn thành kiểm đếm 52.749,4 m² đất của 68 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng; toàn bộ người dân đồng thuận bàn giao mặt bằng trước mặt bằng để thi công; hoàn thành việc ban hành Thông báo thu hồi đất, xác nhận nguồn gốc đất của 68 trường hợp.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản

Đính kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết của 68 hộ gia đình, cá nhân

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Đề nghị UBND xã Xuân Phú kiểm tra, rà soát hồ sơ của 68 trường hợp để làm cơ sở hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ trình phê duyệt.

Trên đây là nội dung dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện các Hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua xã Xuân Phú (đợt 1) của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc./.

Nơi nhận:

- UBND xã Xuân Phú;
- TTPTQĐ tỉnh (để b/c);
- GD, PGD TTPTQĐ.CNXL;
- Lưu: VT- TTPTQĐ.CNXL (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Lê Bảo



BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ

Dự án Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai.

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu bồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hồ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, hồ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hồ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hồ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hồ trợ trợ vật, mỗi một	Giá trị bồi thường, hồ trợ tài sản khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	THƯỜNG BỒI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT TRƯỚC HỜI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hồ trợ và thường	Chủ chủ
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trong lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	Ông Vũ Xuân Hợp và bà Phạm Thị Thủy Hằng	11,70	11,70	11,70	-	-	2.213.757	-	-	-	-	-	4.590.450	2.000.000	8.804.207	18	
2	Hồ ông Nguyễn Văn Kim	188,80	188,80	-	-	-	37.070.880	-	-	-	-	-	53.028.000	8.000.000	98.098.880		
3	Hồ ông Nguyễn Văn Dũng và bà Lưu Thị Cúc	460,10	460,10	460,10	-	-	87.055.521	-	-	-	-	-	1.800.000	8.000.000	96.855.521		
4	Bà Nguyễn Thị Khánh	396,00	396,00	-	-	-	77.754.600	-	-	-	-	-	98.910.000	12.000.000	188.664.600		
5	Ông Nguyễn Văn Đường và bà Vũ Thị Nguyệt Thu	823,80	823,80	823,80	-	-	161.753.130	-	-	-	-	-	205.690.500	16.000.000	383.443.630		
6	Trương Văn Minh (sử dụng đất) - hồ Trần Như Long (đúng tên GCNQSDP)	605,40	605,40	605,40	-	-	114.547.734	-	-	-	-	-	145.287.900	16.000.000	275.835.634		
7	Ông Nông Văn Hội và bà Vy Thị Vĩnh (sử dụng đất) - Hồ ông Nguyễn Văn Xuân (đúng tên GCNQSDP)	188,90	188,90	188,90	-	-	44.137.713	-	-	-	-	-	1.800.000	4.000.000	49.937.713		
8	Ông Hoàng Văn Thành (sử dụng đất) - Hồ ông Nông Văn Học (đúng tên GCNQSDP)	289,00	289,00	289,00	-	-	56.745.130	-	-	-	-	-	72.427.500	12.000.000	141.172.630		
9	Bà Lê Thị Đạo sử dụng đất - Bà Hằng Thị Hoa là người được giao đất theo Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 09/05/2006	422,70	422,70	422,70	-	-	82.997.145	-	-	-	-	-	105.518.250	12.000.000	200.515.395		
10	Ông Chu Văn Dũng (sử dụng đất) - Ông Mai Văn Nghi (đúng tên GCNQSDP)	1.227,10	1.227,10	1.227,10	-	-	232.179.591	-	-	-	-	-	299.563.350	20.000.000	545.742.941		
11	Ông Vy Văn Hiếu (sử dụng đất) - Ông Lý Văn Bình; Hồ bà Ma Thị Oanh và bà Ma Thị Viên (đúng tên đất CNQSDP)	903,50	903,50	903,50	-	-	172.662.336	-	2.303.925	-	-	-	218.541.600	16.000.000	409.507.861		
12	Ông Vi Văn Thảo sử dụng đất - Ông Vi Sỹ Liên đúng tên GCNQSDP	1.062,00	1.062,00	1.062,00	-	-	204.732.360	484.800	14.952.909	-	-	-	258.966.000	16.000.000	495.136.069		
13	Ông Lý Văn Quân (sử dụng đất) - Hồ bà Lê Thị Nhỏ (đúng tên GCNQSDP)	104,80	104,80	-	-	-	14.345.688	26.371.601	4.407.864	-	-	-	18.982.800	8.000.000	72.107.953		
14	Ông Lý Văn Lâm và bà Đặng Thị Đẹp	1.374,30	1.374,30	1.374,30	-	-	272.896.155	99.285.136	4.802.306	-	-	-	339.080.130	20.000.000	730.063.727		



STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất ho trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, ho trợ về đất	Giá trị bồi thường, ho trợ vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, ho trợ cây trồng	Giá trị bồi thường ho trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường ho trợ sản phẩm khác	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị bồi thường về các chính sách ho trợ	16	17	18
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Bà Nông Thị Lăng và các đồng thừa kế QSDĐ của ông Vy Văn Chung	1.185,20	1.185,20	1.185,20	-	-	279.202,989	31.104,000	13.955,919	-	-	-	-	352.836,540	20.000,000	697.099,448	
16	Ông Nông Văn Lập (sử dụng đất) - Hộ bà Hòa Thị Toàn, Hộ ông Hoàng Văn An (dùng tên GCNQSDĐ)	1.236,60	1.236,60	1.236,60	-	-	242.806,410	42.854,400	3.707,065	-	-	-	-	306.558,500	20.000,000	616.326,375	
17	Bà Vy Thị Tàng nhân thừa kế QSDĐ của ông Vy Văn Tý	2.179,40	2.179,40	2.179,40	-	-	412.364,274	84.235,200	14.386,316	-	-	-	-	520.586,900	20.000,000	1.051.672,690	
18	Hồ ông Nguyễn Văn Nhân và bà Vũ Thị Thanh (sử dụng đất) - hộ ông Danh Tô (dùng tên GCNQSDĐ)	2.561,30	2.561,30	2.561,30	-	-	484.623,573	-	30.553,156	-	-	-	-	1.800,000	20.000,000	536.976,729	
19	Ông Hoàng Văn Sáu (sử dụng đất) - Hộ bà Hoàng Thị Sơn (dùng tên GCNQSDĐ)	379,40	379,40	379,40	-	-	74.495,190	-	967,470	-	-	-	-	94.801,500	12.000,000	182.264,160	
20	Bà Nguyễn Thị Thu, Bà Thị Linh Duyên, Bà Đức Dương, Bà Minh Du, Bà Công Duyên là các thừa kế QSDĐ của ông Bùi Lan Đoàn	180,40	180,40	180,40	-	-	35.421,540	-	-	-	-	-	-	32.046,750	8.000,000	75.468,290	
21	Hồ ông Trần Văn Nhi	803,70	803,70	803,70	-	-	152.068,077	-	2.049,435	-	-	-	-	900,000	12.000,000	167.017,512	
22	Ông Trần Văn Hiệp	10,30	10,30	-	-	-	1.948,863	-	26,265	-	-	-	-	900,000	2.000,000	4.875,128	
23	Ông Nguyễn Thái Duong	1.456,60	1.456,60	1.456,60	-	-	275.603,286	-	3.714,330	-	-	-	-	900,000	16.000,000	296.217,616	
24	Ông Vũ Văn Vũ	566,60	566,60	566,60	-	-	107.206,386	-	1.444,830	-	-	-	-	900,000	12.000,000	121.551,216	
25	Ông Ung Văn Thanh	1.217,50	1.217,50	1.217,50	-	-	230.363,175	-	3.896,000	-	-	-	-	900,000	16.000,000	251.159,175	
26	Bà Trần Thị Hiền	208,70	208,70	208,70	-	-	39.488,127	-	552,185	-	-	-	-	900,000	4.000,000	44.920,312	
27	Ông Lý Văn Đô	571,10	571,10	571,10	-	-	108.057,831	-	1.456,305	-	-	-	-	137.107,350	16.000,000	262.621,486	
28	Ông Phùng Văn Trúc	87,80	87,80	87,80	-	-	16.612,638	-	223,890	-	-	-	-	22.740,300	4.000,000	43.576,828	
29	Ông Nguyễn Sĩ Hồng và bà Thanh Thị Thủy Lai	1.722,30	1.722,30	1.722,30	-	-	325.876,583	-	4.391,865	-	-	-	-	412.568,550	20.000,000	762.836,798	

STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường về môi trường	Giá trị bồi thường cho phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	THƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỢI BÀN GIAO MẤT BẢNG TRƯỚC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thưởng	Ghi chú
			Nông nghiệp		Phu Nông nghiệp											
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
10	Ông Lý Văn Nhỏ (sử dụng đất) - Hộ bà Lê Thị Nhữ (đứng tên GCNQSDĐ)	1.644,40	1.644,40	1.644,40	-	-	311.545.332	-	4.193.220	-	-	393.604.200	20.000.000	729.342.752		
11	Ông Đặng Văn Tiến (sử dụng đất) - Ông Trần Văn Tâm; Ông Khắc Duy Tung; Ông Đoàn Văn Vọng (đứng tên GCNQSDĐ)	1.780,60	1.780,60	1.780,60	-	-	336.907.326	-	4.540.330	-	-	900.000	16.000.000	338.347.856		
12	Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Vy Thị Lan (sử dụng đất) - Hộ ông Phùng Văn Khá; Hộ ông Phùng Văn Dũng (đứng tên GCNQSDĐ)	1.099,80	1.099,80	1.099,80	-	-	208.093.158	-	2.804.490	-	-	264.102.300	16.000.000	490.999.948		
13	Bà Vi Thị Mỹ sử dụng đất - Hộ bà Ma Thị Ot; Ông Lạc Văn Hòa (đứng tên GCNQSDĐ)	561,30	561,30	561,30	-	-	106.203.573	-	1.431.315	-	-	134.770.050	16.000.000	258.404.938		
14	Ông Vy Văn Giác (sử dụng đất) - Ông Nông Văn Văn (đứng tên GCNQSDĐ)	104,00	104,00	104,00	-	-	24.804.000	-	265.200	-	-	25.704.000	8.000.000	58.773.200		
15	Ông Vy Văn Nhữ (sử dụng đất) - Hộ ông Lý Văn Bình (đứng tên GCNQSDĐ)	600,80	600,80	600,80	-	-	113.677.368	-	1.521.040	-	-	145.090.800	16.000.000	276.300.208		
16	Ông Trần Văn Mông và vợ bà Phạm Thị Thanh Tâm	1.232,30	1.232,30	1.232,30	-	-	233.163.483	-	3.142.365	-	-	295.703.550	20.000.000	552.009.398		
17	Ông Nguyễn Văn Bản	400,60	400,60	400,60	-	-	75.797.526	-	1.021.530	-	-	96.443.100	12.000.000	185.262.156		
18	Ông Ung Thế Anh và bà Trần Thị Thủy sử dụng đất - Hộ ông Nguyễn Trường Khải (đứng tên GCNQSDĐ)	1.466,10	1.466,10	1.466,10	-	-	277.400.781	-	3.738.555	-	-	351.464.850	20.000.000	652.604.186		
19	Ông Hoàng Văn Điện sử dụng đất - Ông Tô Văn Hân (đứng tên GCNQSDĐ)	1.119,50	1.119,50	1.119,50	-	-	215.817.210	-	2.854.725	-	-	272.938.500	16.000.000	507.610.435		
20	Bà Dương Thị Tiên và các đồng thừa kế của ông Vy Văn Dũng (sử dụng đất) - Hộ ông Lý Văn Bình (đứng tên GCNQSDĐ)	1.772,50	1.772,50	1.772,50	-	-	33.546.933	-	452.115	-	-	43.186.050	8.000.000	85.185.098		
21	Ông Phạm Văn Thành và bà Lý Thị Quyên	563,00	563,00	563,00	-	-	106.525.230	-	1.801.600	-	-	136.075.500	16.000.000	260.402.330		
22	Bà Ninh Thị Cung sử dụng đất - Hộ ông Lạc Văn Hòa (đứng tên GCNQSDĐ)	404,80	404,80	404,80	-	-	76.592.208	-	1.032.240	-	-	98.344.800	12.000.000	187.969.248		
23	Hộ ông Nguyễn Văn Quân và bà Nguyễn Thị Thanh Bình	893,60	893,60	893,60	-	-	169.078.056	-	2.278.680	-	-	1.800.000	12.000.000	185.156.736		
24	Ông Trần Văn Hùng sử dụng đất - hộ ông Trịnh Huyền (đứng tên GCNQSDĐ)	889,40	889,40	889,40	-	-	168.283.574	-	2.267.970	-	-	900.000	12.000.000	183.451.344		

STT	Họ và tên	Diện tích đất thuê (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hỗ trợ (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật nuôi	Giá trị bồi thường, hỗ trợ di sản	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị vệ sinh, chỉnh sách hồ trợ	THƯỜNG ĐÓI VỚI NGƯỜI CÓ BẮT THU HỒI BẢN GIAO MẤT BANG THUỐC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thường	Chi chú	
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp													
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở												
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
45	Ông Chu Văn Hoàng (sử dụng đất) - Ông Võ Lương (đúng tên GCNQSDĐ)	28,70	28,70	28,70	28,70	-	-	-	5.430.327	-	73.185	-	-	-	7.744.950	2.000.000	13.248.462	
46	Ông Phùng Văn Phүй (sử dụng đất) - Hồ ông Lạc Văn Hải (đúng tên GCNQSDĐ)	287,70	287,70	287,70	287,70	-	-	-	54.435.717	-	733.635	-	-	-	69.516.450	12.000.000	136.685.802	
47	Ông Hoàng Trung Hiếu sử dụng đất (hồ ông Võ Lương, đúng tên GCNQSDĐ)	724,70	724,70	724,70	724,70	-	-	-	137.120.487	-	1.847.985	-	-	-	173.740.950	16.000.000	328.709.422	
48	Ông Đặng Thành Vinh (sử dụng đất) - Hồ ông Nguyễn Trường Khoa (đúng tên GCNQSDĐ)	750,60	750,60	750,60	750,60	-	-	-	142.021.026	-	1.914.030	-	-	-	179.918.100	16.000.000	339.853.156	
49	Bà Lê Thị Suong và các thừa kế của ông Trần Văn Yui (sử dụng đất) - Hồ bà Lê Thị Thu (đúng tên GCNQSDĐ)	102,40	102,40	102,40	102,40	-	-	-	19.375.104	-	412.170	-	-	-	25.322.400	4.000.000	49.109.674	
50	Bà Nông Thị Vinh sử dụng đất - Hồ ông Lạc Văn Hải đúng tên GCNQSDĐ	523,50	523,50	523,50	523,50	-	-	-	99.051.435	-	1.334.925	-	-	-	125.754.750	16.000.000	242.141.110	
51	Bà Vy Thị Châu và các thừa kế QSDĐ của ông Lâm Văn Chân sử dụng đất - ông Lương Văn Tèo, ông Nông Ngọc Phương đúng tên GCNQSDĐ	680,50	680,50	680,50	680,50	-	-	-	128.757.405	-	1.735.275	-	-	-	163.199.250	16.000.000	309.691.930	
52	Ông Lưu Văn Thành (sử dụng đất) - Hồ bà Ma Thị Việt, Hồ ông Phùng Văn Dũng, Hồ ông Tô Văn Hậu (đúng tên GCNQSDĐ)	1.483,90	1.483,90	1.483,90	1.483,90	-	-	-	286.066.242	-	3.783.945	-	-	-	361.487.700	20.000.000	671.337.887	
53	Ông Nguyễn Văn Ngọt (sử dụng đất) - Hồ ông Nông Ngọc Phương (đúng tên GCNQSDĐ)	965,10	965,10	965,10	965,10	-	-	-	182.606.571	-	3.648.717	-	-	-	231.076.350	16.000.000	433.331.638	
54	Ông Huỳnh Văn Tuấn và bà Lê Thị Thủy Nhân sử dụng đất - Hồ ông Phạm Văn Sinh đúng tên GCNQSDĐ	741,90	741,90	725,50	725,50	-	-	-	244.859.160	-	3.960.000	-	-	-	310.446.000	20.000.000	579.265.160	
55	Thạc Sĩ Chu Văn Quân (sử dụng đất) - Ông Mạnh Đức (đúng tên GCNQSDĐ)	1.196,60	1.196,60	1.196,60	1.196,60	-	-	-	226.408.686	-	2.441.064	-	-	-	286.289.100	20.000.000	535.138.850	
56	Ông Phan Lạc sử dụng đất - Hồ ông Đinh Tô đúng tên GCNQSDĐ	799,80	799,80	799,80	799,80	-	-	-	151.330.158	-	8.716.058	-	-	-	191.652.300	16.000.000	367.698.516	
57	Ông Ung Thành Nghĩa và bà Huỳnh Thu Hồng	679,70	679,70	-	-	-	-	-	223.734.280	-	11.474.587	-	-	-	283.818.000	20.000.000	539.026.867	



STT	Họ và tên	Diện tích đất thu bồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất hồ trợ (m ²)	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp												
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
58	Ông Vỹ Văn Lưu (sử dụng đất) - Hộ ông Vỹ Văn Chí (đồng tên GCNQSDĐ)	224,10	224,10	224,10	-	-	42.401.961	-	1.219.104	-	-	-	54.347.850	8.000.000	105.968.915		
59	Ông Nguyễn Văn Bình và bà Hoàng Thị Hồng Diệp sử dụng đất - Hộ ông Nguyễn Văn Đâu và bà Lê Thị Ngọc Yến đồng tên GCNQSDĐ	1.087,40	1.087,40	-	-	-	205.746.954	-	5.915.456	-	-	-	1.800.000	16.000.000	229.462.410		
60	Ông Nguyễn Văn Tuấn	450,80	-	-	-	-	-	-	4.822.586	-	-	-	-	2.000.000	6.822.586		
61	Hộ ông Nguyễn Văn Lành và bà Hoàng Thị Kim Lê	694,60	694,60	-	-	-	136.384.710	-	2.778.400	-	-	-	173.713.500	16.000.000	328.876.610		
62	Bà Trần Thị Ngọc và các thân kế QSDĐ của ông Lương Đình Thuận	322,90	322,90	322,90	-	-	63.401.415	-	5.445.320	-	-	-	80.817.750	12.000.000	161.664.485		
63	Ông Nguyễn Khắc Hiếu và bà Linh Thị Thu Diễm	722,60	722,60	431,60	-	-	141.882.510	-	21.443.994	-	-	-	180.643.500	16.000.000	359.970.004		
64	Bà Nguyễn Thị Mai nhân thân kế QSDĐ của ông Nông Văn Vạn	332,60	332,60	-	-	-	174.149.360	-	4.819.800	-	-	-	220.416.000	16.000.000	415.385.160		
65	Ông Hoàng Văn Sơn	686,30	686,30	686,30	-	-	134.755.005	-	2.196.160	-	-	-	170.759.250	16.000.000	323.710.415		
66	Hộ ông Vỹ Văn Đức	385,20	385,20	-	-	-	75.634.020	-	8.988.310	-	-	-	98.937.000	12.000.000	195.559.330		
67	Bà Nông Thị Nụ	829,30	-	-	-	-	-	-	10.661.664	-	-	-	-	2.000.000	12.661.664		
68	Ông Chu Xuân Lạc (sử dụng đất) - Ông Phùng Văn Vương; Hộ bà Lê Thị Thu, Hộ ông Hà Văn Vĩnh (đồng tên giấy CNQSDĐ)	2.686,00	2.686,00	2.686,00	-	-	550.116.294	-	11.346.143	-	-	-	900.000	20.000.000	582.362.437		
TỔNG CỘNG		52.749,40	51.469,30	47.282,50	-	-	10.230.334.887	278.335.137	262.841.123	-	-	-	9.358.461.720	922.000.000	21.051.972.867(a)		
Kinh phí của Tổ chức thực hiện bồi thường: (b) = (a) x 3,5%																	
Kinh phí của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chi nhánh Xuân Lạc (85%) (c) = (b) x 85%																	
Kinh phí của UBND xã Xuân Phú (15%) (d) = (b) x 15%																	
TỔNG GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG: (a+b)																	
736.819.050(b)																	
626.296.192(c)																	
110.522.855(d)																	
21.788.791.917																	

